Chi tiết mã HS 8519.81.41

Mã HS	8519.81.41
Mô tả hàng hóa	Thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh / - Thiết bị khác: / - - Thiết bị truyền thông sử dụng công nghệ từ tính, quang học hoặc bán dẫn: / - - - Máy sao âm: / - - - - Loại dùng cho điện ảnh hoặc phát thanh
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 23:05:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85198141/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15423
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15423
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15423
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	11	11%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14734
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14675
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14675
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14675
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14675
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14675
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14675
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14729
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14729

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14729
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14729
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14729
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14729
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14730
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14730
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14730
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14730
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14730
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14730
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		8	AK!F14733
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14681
AIFTA	30/12/2022	2022	12	AI!F14689
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	11.5	AI!G14689
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	11.5	AI!H14689
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	11	AI!I14689
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	11	AI!J14689
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	11	AI!K14689
VKFTA	2022	2022	8	VK!E14720
VKFTA	2023	2023	8	VK!F14720
VKFTA	2024	2024	8	VK!G14720
VKFTA	2025	2025	8	VK!H14720
VKFTA	2026	2026	8	VK!I14720
VKFTA	2027	2027	8	VK!J14720
VCFTA	2022	2022	2	VC!D14775
VCFTA	2023	2023	1	VC!E14775

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14775
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14775
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14775
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14775
VN-EAEU	2022	2022	2,7	EAV!D14752
VN-EAEU	2023	2023	1,8	EAV!E14752
VN-EAEU	2024	2024	0,9	EAV!F14752
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14752
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14752
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14752
AHKFTA	2022	2022	10	AKH!D14752
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E14752
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F14752
AHKFTA	2025	2025	10	AKH!G14752
AHKFTA	2026	2026	10	AKH!H14752
AHKFTA	2027	2027	10	AKH!I14752
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D14767
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E14767
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F14767
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14767
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14767
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14767
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D14766
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E14766
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F14766
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14766

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14766
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14766
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14759
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14759
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14759
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14759
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14759
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14759
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14759
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D14754
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E14754
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F14754
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G14754
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H14754
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I14754
RCEP B	2022	2022	9	B!D14754
RCEP B	2023	2023	8	B!E14754
RCEP B	2024	2024	7	B!F14754
RCEP B	2025	2025	6	B!G14754
RCEP B	2026	2026	5	B!H14754
RCEP B	2027	2027	4	B!I14754
RCEP C	2022	2022	9	C!D14754
RCEP C	2023	2023	8	C!E14754
RCEP C	2024	2024	7	C!F14754
RCEP C	2025	2025	6	C!G14754
RCEP C	2026	2026	5	C!H14754

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	4	C!I14754
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D14753
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E14753
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F14753
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G14753
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H14753
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I14753
RCEP E	2022	2022	9	E!D14757
RCEP E	2023	2023	8	E!E14757
RCEP E	2024	2024	7	E!F14757
RCEP E	2025	2025	6	E!G14757
RCEP E	2026	2026	5	E!H14757
RCEP E	2027	2027	4	E!I14757
RCEP F	2022	2022	9	F!D14754
RCEP F	2023	2023	8	F!E14754
RCEP F	2024	2024	7	F!F14754
RCEP F	2025	2025	6	F!G14754
RCEP F	2026	2026	5	F!H14754
RCEP F	2027	2027	4	F!I14754
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F13737
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G13737
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H13737
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I13737

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 10%, AIFTA 11%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8519.81 có 13 dòng thuế; dòng 8519.81.41 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại dùng cho điện ảnh hoặc phát thanh.	8519.81.10 Máy ghi âm cassette bỏ túi, kích thước không quá 170 mm x 100 mm x 45 mm; 8519.81.20 Máy ghi âm cassette, có bộ phận khuếch đại và một hoặc nhiều loa, hoạt động chỉ bằng nguồn điện ngoài; 8519.81.30 Đầu đĩa compact; 8519.81.49 Loại khác; 8519.81.50 Máy ghi điều lọc (dictating machines), loại chỉ hoạt động bằng nguồn điện ngoài; 8519.81.61 Loại dùng cho điện ảnh hoặc phát thanh	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8519.81.41. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8519.81.41 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15423), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.